

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
Trường THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm
Năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	268	45	90	133
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	204 76,12%	24 53,33%	66 73,33%	114 85,71%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40 14,93%	9 20,00%	13 14,45%	18 13,54%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23 8,58%	12 26,67%	10 11,11%	1 0,75%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,37%	0 0%	1 1,11%	0 0%
II	Số học sinh chia theo học lực	268			
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	88 32,84%	9 20,00%	26 28,89%	53 39,85%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	140 52,24%	14 31,11%	52 57,78%	74 55,64%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	40 14,92%	22 48,89%	12 13,33%	6 4,51%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	268			
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	267 99,63%	45 100%	89 98,89%	133 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	8 2,99%	4 8,89%	1 1,11%	3 2,26%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	78 29,10%	5 11,11%	23 25,55%	50 37,59%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,37%	0 0%	1 1,11%	0 0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	32/7	5/0	14/3	13/4

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
6	Thôi học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 2,96%	1 2,17%	6 6,59%	1 0,75%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	1	0	1	0
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố			1	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	133			133
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	133 100%			133 100%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%			0 0%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	72 54,14%			72 54,14%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	61 45,86%			61 45,86%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	131/133 98,50%			131/133 98,50%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	133/137	20/26	49/42	64/69
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	2	15	15

HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Kim Dung